

Số: 26/2016/NQ-HĐND18

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**V/v Quy định phân cấp quản lý ngân sách các cấp
chính quyền địa phương thuộc tỉnh Bắc Ninh, thời kỳ 2017-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Xét Tờ trình số 385/TTr-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh về việc: “Ban hành quy định phân cấp quản lý ngân sách các cấp chính quyền địa phương thuộc tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2017-2020”; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Quy định phân cấp quản lý ngân sách các cấp chính quyền địa phương thuộc tỉnh Bắc Ninh, thời kỳ 2017 – 2020”.

Điều 2: Giao UBND tỉnh, các tổ chức và cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ của HĐND tỉnh.

Điều 3: Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết đã được HĐND tỉnh khoá XVIII, kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 08/12/2016 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; CP (b/c);
- Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- VKSND, TAND tỉnh;
- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TTHĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo, Đài PTTH, Công TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: LĐVP, phòng Tổng hợp, lưu VT *nb*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hương Giang

QUY ĐỊNH
PHÂN CẤP QUẢN LÝ NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN
ĐỊA PHƯƠNG TỈNH BẮC NINH THỜI KỲ 2017 - 2020
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND18
ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Bắc Ninh)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định chi tiết về về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; thường vượt thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương. Các nội dung khác liên quan đến quản lý ngân sách thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng:

- Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh;
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh;
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương:

1. Ngân sách mỗi cấp chính quyền địa phương được phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, trình độ quản lý;

2. Ngân sách tỉnh giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh; bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới;

3. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu:

- Chú trọng khả năng đáp ứng nhu cầu chi tại chỗ, khuyến khích khai thác thu và phải phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng vùng. Nguồn thu gắn liền với vai trò quản lý của cấp chính quyền nào thì phân cấp cho ngân sách cấp chính quyền đó;

- Phân cấp tối đa nguồn thu trên địa bàn để bảo đảm nhiệm vụ chi được giao; hạn chế bổ sung từ ngân sách cấp trên;

- Ngân sách xã, phường, thị trấn được phân chia nguồn thu từ các khoản: thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh; thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình; lệ phí trước bạ nhà, đất;

- Hạn chế phân cấp cho nhiều cấp ngân sách đối với các nguồn thu có quy mô nhỏ.

4. Nguyên tắc phân cấp nhiệm vụ chi:

- Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp;

- Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi của mình thì phải phân bổ và giao dự toán cho cơ quan cấp dưới được ủy quyền để thực hiện nhiệm vụ chi đó. Cơ quan nhận kinh phí ủy quyền phải quyết toán với cơ quan ủy quyền khoản kinh phí này;

- Ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ;

- Trong phân cấp nhiệm vụ chi đối với thị xã, thành phố thuộc tỉnh phải có nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác;

- Không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác và không được dùng ngân sách của địa phương này để chi cho nhiệm vụ của địa phương khác, trừ các trường hợp sau:

+ Ngân sách cấp dưới hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương;

+ Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới;

+ Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ các địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa nghiêm trọng.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh:

1. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% gồm:

1.1. Thu tiền cho thuê nhà và bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước;

1.2. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu;

1.3. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho Ngân sách cấp tỉnh;

1.4. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan;

1.5. Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu;

1.6. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện;

1.7. Các khoản thu khác nộp ngân sách cấp tỉnh: Thu bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị trừ các đơn vị sự nghiệp thực hiện chế độ tự chủ tài chính; thu hồi các khoản chi năm trước và các khoản thu khác nộp ngân sách tỉnh do các đơn vị cấp tỉnh nộp;

1.8. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

1.9. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp tỉnh năm trước sang năm sau;

1.10. Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh;

1.11. Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp tỉnh;

1.12. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp huyện năm trước sang năm sau;

1.13. Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương;

1.14. Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước các doanh nghiệp cục thuế quản lý thu;

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương:

2.1. Thuế giá trị gia tăng, trừ thuế giá trị gia tăng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

2.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 35 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

2.3. Thuế thu nhập cá nhân;

2.4. Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

2.5. Thuế bảo vệ môi trường, trừ thuế bảo vệ môi trường quy định tại điểm d khoản 1 Điều 35 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015.

3. Các khoản thu phân chia tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương gồm:

Tiền sử dụng đất, trừ thu tiền sử dụng đất tại điểm k khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước 2015.

4. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương.

5. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh:

1. Chi đầu tư phát triển bao gồm:

1.1. Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do cấp tỉnh quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều này;

1.2. Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật;

1.3. Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp trong các lĩnh vực:

2.1. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề:

Các trường phổ thông trung học, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề của tỉnh; đào tạo huấn luyện vận động viên thể dục thể thao; trường chính trị Nguyễn Văn Cừ và các hoạt động sự nghiệp giáo dục đào tạo khác của tỉnh;

2.2. Sự nghiệp khoa học và công nghệ;

2.3. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội:

- Chi các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, chi phòng cháy, chữa cháy đảm bảo trật tự an toàn xã hội của các lực lượng, đơn vị thuộc cấp tỉnh;

- Chi mua sắm trang phục cho lực lượng dân quân; chi thực hiện pháp lệnh dự bị động viên;

- Chi mua sắm trang phục cho lực lượng công an xã, công an viên thôn, bảo vệ dân phố.

2.4. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

- Chi phòng bệnh, khám chữa bệnh và các hoạt động dân số và gia đình theo ngành từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn;

- Hỗ trợ, mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng: Trẻ em dưới 6 tuổi; người nghèo; cận nghèo, học sinh, sinh viên; hộ nông nghiệp có mức sống trung bình.

2.5. Sự nghiệp văn hóa thông tin: Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật, chiếu phim và các hoạt động văn hoá khác do tỉnh quản lý, tổ chức thực hiện;

2.6. Sự nghiệp phát thanh, truyền hình do tỉnh quản lý, tổ chức thực hiện;

2.7. Sự nghiệp thể dục thể thao: Tổ chức thi đấu các giải thể dục thể thao cấp tỉnh và tham dự các giải do trung ương tổ chức; các hoạt động thể thao khác do tỉnh quản lý, tổ chức thực hiện;

2.8. Sự nghiệp bảo vệ môi trường của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;

2.9. Các hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa và các công trình giao thông tỉnh quản lý; lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường của tỉnh;

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp, lâm nghiệp: Sửa chữa nâng cấp các tuyến đê, các công trình thủy lợi của tỉnh; chỉ công tác khuyến nông, khuyến lâm, bảo vệ thực vật, thú y, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng của tỉnh;

- Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Nhà nước;

- Đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác của tỉnh;

- Các sự nghiệp kinh tế khác do tỉnh quản lý: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội cấp tỉnh, quy hoạch ngành.

2.10. Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

2.11. Chi bảo đảm xã hội: Chi hoạt động của các trại xã hội; cứu tế xã hội; hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội; các hoạt động khác, thực hiện các chính sách xã hội cho các đối tượng do tỉnh quản lý;

2.12. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ lãi các khoản do ngân sách tỉnh vay;

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương;

5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh;

6. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới;

7. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 9 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

8. Chi chương trình mục tiêu quốc gia và các mục tiêu, nhiệm vụ khác của Trung ương giao cho địa phương.

Điều 6. Nguồn thu của ngân sách cấp huyện:

1. Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100% gồm:

1.1. Lệ phí môn bài, trừ lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh ở xã, phường, thị trấn;

1.2. Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước các hộ kinh doanh và doanh nghiệp chi cục thuế quản lý thu;

1.3. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp huyện;

1.4. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện nộp;

- 1.5. Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện thu;
 - 1.6. Lệ phí trước bạ trừ lệ phí trước bạ nhà, đất;
 - 1.7. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện;
 - 1.8. Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp cho ngân sách cấp huyện;
 - 1.9. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp huyện năm trước sang năm sau;
 - 1.10. Thu kết dư ngân sách cấp huyện;
 - 1.11. Các khoản thu khác nộp ngân sách cấp huyện: Thu bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị trừ các đơn vị sự nghiệp thực hiện chế độ tự chủ tài chính; thu hồi các khoản chi năm trước và các khoản thu khác nộp ngân sách cấp huyện.
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa các cấp ngân sách theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 4 quy định này;
3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh;
4. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện:

1. Chi đầu tư phát triển:
 - 1.1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do cấp huyện quản lý theo quy định phân cấp đầu tư và xây dựng của tỉnh. Thành phố Bắc Ninh và thị xã Từ Sơn được phân cấp chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập theo phân cấp quản lý giáo dục (trường trung học cơ sở, tiểu học và mầm non), điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.
 - 1.2. Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật: Chi công tác lập quy hoạch sử dụng đất của cấp huyện, các phường, thị trấn và các xã thuộc quy hoạch phát triển đô thị; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.
2. Chi thường xuyên:
 - 2.1. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề:

Chi cho các trường mầm non công lập; các trường tiểu học, trung học cơ sở, bổ túc văn hóa trung học cơ sở công lập; trung tâm bồi dưỡng chính trị; trung tâm hoặc trường dạy nghề thuộc huyện, đào tạo dạy nghề ngắn hạn cho nông dân; đào tạo lại, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ công chức, viên chức cấp huyện; cán bộ xã, thôn; kinh phí thực hiện chính sách giáo dục đối với người khuyết tật và các hoạt động sự nghiệp giáo dục - đào tạo khác của các huyện, thành phố, thị xã.
 - 2.2. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội:

- Chi thực hiện Luật dân quân tự vệ: Chi trả phụ cấp cho lực lượng cơ động theo quy định; tập huấn, huấn luyện dân quân, tự vệ và các nhiệm vụ dân quân tự vệ khác do cấp huyện tổ chức (không bao gồm mua sắm quân trang);

- Chi tổ chức các cuộc hội thao; hội thi; diễn tập cấp huyện.
- Chi công tác tuyển quân và các nhiệm vụ quân sự khác của cấp huyện;
- Chi đảm bảo trật tự an toàn xã hội của các lực lượng, đơn vị thuộc cấp huyện;

2.3. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho cựu chiến binh; hỗ trợ, mua bảo hiểm y tế cho người cao tuổi, đảng viên được tặng huy hiệu 40 năm tuổi Đảng trở lên, các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác được hỗ trợ mua bảo hiểm y tế theo quy định; hỗ trợ các hoạt động phòng bệnh, hoạt động thuộc lĩnh vực y tế;

2.4. Sự nghiệp văn hóa thông tin: Chi các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa thông tin cấp huyện quản lý; hỗ trợ nghệ nhân trong lĩnh vực văn hóa phi vật thể; hỗ trợ kinh phí tổ chức canh hát quan họ;

2.5. Sự nghiệp phát thanh, truyền hình: Chi các hoạt động trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình cấp huyện quản lý;

2.6. Sự nghiệp thể dục thể thao: Chi các hoạt động trong lĩnh vực thể dục thể thao cấp huyện quản lý;

2.7. Sự nghiệp bảo vệ môi trường:

Chi công tác thu gom vận chuyển, xử lý rác thải đường phố và khu dân cư của thành phố, thị xã; quản lý các công trình vệ sinh công cộng; duy trì hệ thống xử lý nước thải của thành phố, thị xã;

Vận chuyển rác thải từ các bãi của các thôn và xử lý rác thải tại bãi xử lý rác thải tập trung theo quy định của tỉnh.

2.8. Các hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp giao thông; duy tu, bảo dưỡng sửa chữa các công trình giao thông do cấp huyện quản lý;

- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp do cấp huyện quản lý;

- Sự nghiệp thủy lợi: Chi công tác phòng chống lụt bão; chống úng, chống hạn; đắp đê, rải cấp phối mặt đê địa phương quản lý;

- Chi hoạt động bộ máy cán bộ khuyến nông xã, phường, thị trấn;

- Chi kiến thiết thị chính: Chỉnh trang đô thị, duy tu, bảo dưỡng, duy trì hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, giao thông nội thị; công viên, cây xanh của các huyện, thị xã, thành phố;

- Chi xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội cấp huyện; quy hoạch xây dựng theo phân cấp.

2.9. Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội:

- Hoạt động các cơ quan nhà nước cấp huyện;

- Hoạt động các cơ quan cấp huyện của Đảng cộng sản Việt Nam;

- Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ, Hội nông dân;

- Hỗ trợ các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp cấp huyện theo quy định của pháp luật;

- Chi trả phụ cấp lãnh đạo nghỉ hưu giữ chức vụ lãnh đạo hội đặc thù theo Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 14.8.2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.10. Chi bảo đảm xã hội:

- Chi quà cho các đối tượng người có công với cách mạng và người nhiễm chất độc dioxin theo quyết định của ủy ban nhân dân tỉnh;

- Chi trả trợ cấp hàng tháng, mai táng phí cho tất cả các đối tượng do huyện quản lý theo các quy định của trung ương và địa phương (đối tượng bảo trợ xã hội, cựu chiến binh, cựu thanh niên xung phong, người từ 70 tuổi trở lên, đảng viên 40 năm tuổi Đảng); trợ cấp đột xuất cho các đối tượng, quản lý các chương trình phòng chống tội phạm, ma túy, mại dâm trên địa bàn.

- Kinh phí điều tra nhu cầu lao động; kinh phí rà soát hộ nghèo hàng năm;

- Kinh phí hỗ trợ hỏa táng, điện táng.

2.11. Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn;

4. Chi các chương trình mục tiêu, dự án, nhiệm vụ cấp trên giao;

5. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 9 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

6. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp huyện sang năm sau.

Điều 8. Nguồn thu của ngân sách xã, phường, thị trấn:

1. Các khoản ngân sách cấp xã hưởng 100% gồm:

1.1. Lệ phí môn bài thu từ các cá nhân, hộ kinh doanh;

1.2. Thuế tài nguyên;

1.3. Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

1.4. Lệ phí trước bạ nhà, đất;

1.5. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

1.6. Các khoản phí và lệ phí phần nộp ngân sách xã theo quy định của pháp luật do các đơn vị thuộc cấp xã nộp;

1.7. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;

1.8. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp xã;

1.9. Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã quản lý;

1.10. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã xử lý; thu từ xử lý tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước do các đơn vị cấp xã nộp;

1.11. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các đơn vị cấp xã thực hiện;

1.12. Thu kết dư ngân sách xã;

1.13. Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp xã thực hiện;

1.14. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã năm trước sang năm sau;

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa các cấp ngân sách theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 4 quy định này.

3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên;

4. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách xã, phường, thị trấn:

1. Chi đầu tư phát triển:

1.1. Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội không có khả năng thu hồi vốn theo phân cấp quản lý đầu tư và xây dựng của tỉnh;

1.2. Chi đầu tư xây dựng các công trình, kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội của xã từ nguồn huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho từng dự án nhất định theo quy định của pháp luật, do hội đồng nhân dân cấp xã quy định đưa vào ngân sách xã quản lý;

1.3. Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật: Chi công tác lập quy hoạch sử dụng đất đối với các xã nơi không thuộc quy hoạch phát triển đô thị.

2. Chi thường xuyên gồm:

2.1. Chi các sự nghiệp kinh tế do cấp xã quản lý:

- Sửa chữa thường xuyên đường giao thông và các công trình phúc lợi công cộng do xã quản lý; khuyến nông, ngư, lâm; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội, quy hoạch xây dựng theo phân cấp;

- Chi trả phụ cấp cán bộ thú y xã, thú y thôn;

- Hỗ trợ điện chiếu sáng đường làng, ngõ xóm đối với các thôn, khu phố cho ngân sách cấp xã;

- Hoạt động của trạm bơm cục bộ xã quản lý.

2.2. Chi sự nghiệp giáo dục: Chi công tác giáo dục mầm non dân lập do cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật, chi hỗ trợ trung tâm giáo dục cộng đồng; hỗ trợ các hoạt động giáo dục phổ thông;

2.3. Chi sự nghiệp y tế: Chi hỗ trợ các hoạt động thuộc lĩnh vực y tế; chi phụ cấp của cán bộ y tế thôn, tổ dân phố; chi phụ cấp cho cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình ở thôn, tổ dân phố;

2.4. Chi các hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục thể thao; hoạt động đài truyền thanh cấp xã quản lý (bao gồm cả kinh phí hỗ trợ thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết ở cụm dân cư theo Thông tư số 160/2010/TT-BTC ngày 19.10.2010 Bộ Tài chính);

2.5. Chi đảm bảo xã hội: Chi trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã già yếu nghỉ việc, chi cứu tế xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, tặng quà cho người cao tuổi; thăm hỏi đột xuất các gia đình chính sách và các hoạt động đảm bảo xã hội khác của xã, phường, thị trấn.

2.6. Chi hoạt động các cơ quan hành chính nhà nước bao gồm:

- Hoạt động của ủy ban nhân dân và hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn, chi trả trợ cấp cán bộ không chuyên trách cấp xã; cán bộ không chuyên trách thôn, khu phố;

- Hoạt động các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Ban thanh tra nhân dân;

- Kinh phí thực hiện Quyết định số 99-QĐ-TW ngày 30.5.2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng;

- Kinh phí chi cho Ban giám sát cộng đồng theo Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH & ĐT-UBMTTQVN-BTC ngày 04.12.2006;

- Kinh phí thực hiện chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội theo Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 14.8.2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách và mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Quyết định số 285/2014/QĐ-UBND ngày 26.6.2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Phụ cấp, trang phục đội công tác xã hội tình nguyện.

2.7. Chi quốc phòng:

- Hoạt động Ban Chỉ huy quân sự xã;

- Chi cho công tác dân quân tự vệ: Chi trả trợ cấp ngày công lao động, tổ chức huấn luyện dân quân và các nhiệm vụ khác; trợ cấp thôn đội trưởng;

- Chi công tác tuyển quân: Tiếp nhận quân nhân hoàn thành nghĩa vụ trở về; diễn tập, hội thi, hội thao cấp xã và các hoạt động quân sự khác do xã tổ chức;

2.8. Chi an ninh, trật tự an toàn xã hội: Chi đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội; lương, phụ cấp công an xã, công an viên thôn, dân phòng tự quản, bảo vệ dân phố; bảo hiểm thân thể của đội dân phòng tự quản.

2.9. Chi sự nghiệp môi trường: Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải;

2.10. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật: Hỗ trợ các tổ chức khác của xã, thôn theo các quy định hiện hành.

3. Chi các chương trình mục tiêu, dự án, nhiệm vụ cấp trên giao;

4. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 9 Điều 9 của Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

5. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp xã sang năm sau.

Điều 10. Thường vượt thu so với dự toán từ các khoản thu giao các huyện, thành phố, thị xã thu:

Trường hợp các khoản thu giao các huyện, thành phố, thị xã thu vượt dự toán; ngân sách cấp tỉnh trích 50% của số tăng thu ngân sách cấp tỉnh được hưởng để thưởng cho các địa phương có tăng thu.

Căn cứ vào mức thưởng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định sử dụng số thưởng vượt thu được hưởng để đầu tư xây dựng các chương trình, dự án kết cấu hạ tầng, thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, thưởng cho ngân sách cấp dưới.

Điều 11. Hỗ trợ hụt thu đối với các khoản thu ngoài quốc doanh do tỉnh thu trên địa bàn:

Trường hợp các khoản thu ngoài quốc doanh do tỉnh thu trên địa bàn không hoàn thành dự toán; tùy theo khả năng cân đối, ngân sách cấp tỉnh sẽ hỗ trợ cho các huyện, thành phố, thị xã phần hụt thu ngân sách cấp huyện, cấp xã được hưởng. Mức hỗ trợ cụ thể từng năm do UBND tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Các Sở, Ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình, đề ra những biện pháp nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ thu, chi ngân sách được giao.

Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách được giao; quản lý sử dụng các khoản kinh phí do nhà nước cấp theo đúng mục đích, đúng chế độ, hiệu quả và tiết kiệm.

Điều 13. Ủy ban nhân dân, cơ quan nhà nước, đơn vị sử dụng ngân sách các cấp nghiêm chỉnh thực hiện quy chế công khai tài chính, ngân sách; công khai việc quản lý sử dụng tài sản công; đồng thời có trách nhiệm trả lời chất vấn, kiến nghị của nhân dân địa phương về những vấn đề tài chính, ngân sách theo thẩm quyền.

Điều 14. Mọi tổ chức có nghĩa vụ nộp ngân sách; các cơ quan, đơn vị được thụ hưởng ngân sách phải nghiêm chỉnh thực hiện quy định này. Những sai phạm theo quy định của pháp luật phải được phòng ngừa, ngăn chặn, phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh./.

